

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 tháng 01 năm 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Kim;

*Các H thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Quân;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Hiền;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yên Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “V/v tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 671/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Sim C, sinh năm 1983;

Nơi thường trú: xã TX, huyện TM, tỉnh ĐT;

Nơi tạm trú: 442/119/22/21C QL1, Tổ A, Khu phố B, phường APĐ Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1974;

Nơi thường trú: Khu vực Tân Phước 1, phường TH, quận TN, thành phố CT.

Nơi tạm trú: 442/119/22/21C QL1, Tổ A, Khu phố B, phường APĐ Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản thì nguyên đơn – bà Trần Thị Sim C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, quận TN, thành phố CT vào khoảng tháng 7/2010. Thời gian đầu chung sống tương đối H1 phúc mặc dù cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, càng về sau mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân do ông H có tính gia trưởng, đa nghi, ghen tuông vô cớ làm bà mệt mỏi về tinh thần. Bản thân bà cũng đã cố gắng nhẫn nhịn cho qua chuyện. Quan điểm, lối sống, nhận thức của cả hai không còn phù hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 (một) năm nay, không gần gũi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bà đã một lần nộp đơn ly hôn, nhưng được Tòa án động viên, nên bà rút đơn về. Khi rút đơn về, cuộc sống hôn nhân không được cải thiện. Nay, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vì tình cảm dành cho nhau không còn. Nay, bà rất mệt mỏi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành H. Mục đích bà ly hôn với ông H nhằm ổn định cuộc sống, không vì mục đích nào khác.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 (hai) người con Nguyễn Trần Mai Kh, sinh ngày 20/5/2012; Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/10/2013.

Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con tên H1 đến khi trưởng thành. Ông H trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Kh đến khi trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Bà là bác sĩ tại khoa nội Bệnh viện đa khoa X, có việc làm thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản thì bị đơn – ông Nguyễn Thành H trình bày:

Ông và bà Trần Thị Sim C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, quận TN, thành phố CT vào khoảng tháng 7/2010. Thời gian đầu chung sống tương đối H1 phúc mặc dù cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, càng về sau mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân, là do bà C có người đàn ông khác bên ngoài, không còn chung thủy như xưa. Bản thân ông cũng như gia đình khuyên giải, hàn gắn nhưng bà C không nghe, vẫn chứng nào tật đó. Ngoài ra, quan điểm, lối sống, nhận thức của cả hai không còn phù hợp, ít quan tâm,

chia sẻ công việc cho nhau. Thời gian qua ông đã cố gắng níu kéo để giữ gìn H1 phúc gia đình, nhưng không đạt kết quả. Khi bà C rút đơn ly hôn về, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng vẫn như trước đây, không được cải thiện. Vợ chồng ông ly thân hơn một năm nay, không gần gũi nhau. Ông cũng biết cuộc sống hôn nhân phải xuất phát từ cả hai phía, một mình ông cũng không làm được gì. Nhưng, ông mong muốn bà C suy nghĩ lại về quyết định ly hôn, vì sức khỏe của bà C không được ổn định. Ông mong muốn bà C đi kiểm tra lại sức khỏe. Do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Sim C.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 (hai) người con Nguyễn Trần Mai Kh, sinh ngày 20/5/2012; Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/10/2013. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con tên Kh, H1 đến khi trưởng thành, để thuận tiện sau này nhập hộ khẩu cho con đi học. Ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Ông có việc làm, thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có mặt giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày trong quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Trần Thị Sim C và ông Nguyễn Thành H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường TH, quận TN, thành phố CT cấp ngày 27/7/2010; số: 151; quyền số: 01/2010). Nay, bà C yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn với bà C.

Bà Trần Thị Sim C và ông Nguyễn Thành H có 02 (hai) người con Nguyễn Trần Mai Kh, sinh ngày 20/5/2012; Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/10/2013.

Đối với yêu cầu của bà C, thì bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con tên H1 đến khi thành niên. Giao người con tên Kh cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Đối với ý kiến của ông H, thì ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con tên Kh, H1 đến khi thành niên. Không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, bà Trần Thị Sim C và ông Nguyễn Thành H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản, bà Trần Thị Sim C và ông Nguyễn Thành H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân: Mâu thuẫn của vợ chồng bà Trần Thị Sim C – ông Nguyễn Thành H không có báo chính quyền địa phương, nên địa phương không nắm rõ. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, muốn sống ra sao thì sống, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, hôn nhân của vợ chồng nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở và căn cứ pháp lý chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Đối với ý kiến của bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì cho rằng sức khỏe của nguyên đơn không ổn định, bị bệnh hoang tưởng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn đang công tác tại Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa X, là một bác sĩ. Điều này cho thấy, sức khỏe của nguyên đơn bình thường. Mặt khác, để cho rằng một người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải do cơ quan có thẩm quyền quyết định. Bên cạnh đó, đây là lần thứ 02 (hai) nguyên đơn có yêu cầu ly hôn tại Tòa án, nên ý kiến này của bị đơn không chấp nhận.

Theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, ...; nếu con từ đủ 07 (bảy) tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con;

Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con Nguyễn Hữu H1 đến khi thành niên. Giao người con Nguyễn Trần Mai Kh cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con tên Kh, H1 đến khi thành niên. Không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Khi ly hôn với bị đơn thì niềm động viên, an ủi đối với nguyên đơn là con cái. Tại biên bản ghi nhận ý kiến thì người con Nguyễn Hữu H1 có nguyện vọng mong muốn được sống chung với nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn có thu nhập ổn định, có khả năng nuôi dưỡng người con tên H1. Để đảm bảo về mặt tinh thần đối với nguyên đơn cũng như vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử xét thấy giao người con Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/10/2013 cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn: Bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/10/2013 đến khi thành niên để sau này thuận tiện cho việc nhập hộ khẩu. Hội đồng xét xử xét thấy, người con tên H1 đang có nơi cư trú cũng như môi trường học ổn định. Trong trường hợp sau

này bị đơn có nơi cư trú khác, thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cất, nhập nơi cư trú theo quy định, nên ý kiến này của bị đơn không chấp nhận.

Đối với người con Nguyễn Trần Mai Kh nguyên đơn đồng ý giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử giao người con Nguyễn Trần Mai Kh, sinh ngày 20/5/2012 cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên

Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và việc không yêu cầu này là sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nguyên đơn được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022130 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Sim C được ly hôn với ông Nguyễn Thành H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường TH, quận TN, thành phố CT cấp ngày 27/7/2010; số: 151; quyển số: 01/2010 không còn giá trị.

1.2 Về con chung: Có 02 (hai) người con Nguyễn Trần Mai Kh, sinh ngày 20/5/2012; Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/10/2013.

Giao người con tên H1 cho bà Trần Thị Sim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Giao người con tên Kh cho ông Nguyễn Thành H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Bà Trần Thị Sim C và ông Nguyễn Thành H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bà Trần Thị Sim C và ông Nguyễn Thành H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Về án phí:

Bà Trần Thị Sim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Trần Thị Sim C đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022130 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022130 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Sim C nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

## 3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

## 4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường TH, quận TN, thành phố CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mỹ Kim**